


BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

Thực tiễn triển khai chính sách tín dụng đặc thù trong ứng phó với đại dịch COVID-19 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ từ Tổ chức Tài chính quốc tế, Ngân hàng Châu Á và một số ngân hàng thương mại tại Việt Nam

(Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh)

HÀ NỘI, THÁNG 6/2022



Báo cáo này được tài trợ bởi Oxfam tại Việt Nam. Nội dung báo cáo do nhóm nghiên cứu độc lập của CEPEW thực hiện. Các nhận định trong báo cáo này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Oxfam và nhà tài trợ.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I: TỔNG QUAN CHUNG	6
1.1. Lý do thực hiện nghiên cứu	6
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	7
1.3. Câu hỏi nghiên cứu	8
1.4. Thời gian thực hiện và địa bàn nghiên cứu	8
1.5. Phương pháp nghiên cứu và cỡ mẫu	9
1.6. Phân tích số liệu và viết báo cáo	11
1.7. Hạn chế của nghiên cứu	11

PHẦN II: MỘT SỐ PHÁT HIỆN CHÍNH **12**

2.1. Thực hành tốt về bảo đảm tiếp cận tín dụng cho DNNVV do phụ nữ làm chủ của Philippines và Hoa Kỳ 12

2.1.1. Philippines 12

2.1.1. Hoa Kỳ 14

2.2. Chính sách đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ của một số tổ chức tài chính quốc tế 16

2.3. Pháp luật và chính sách của Việt Nam đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ 17

2.4. Chính sách tiếp cận tín dụng của ngành ngân hàng dành cho DNNVV do phụ nữ làm chủ 22

2.5. Thực trạng tiếp cận tín dụng từ NHTM của DNNVV do phụ nữ làm chủ trong đại dịch COVID-19 26

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ **31**

3.1. Kết luận 31

3.2. Khuyến nghị 32

PHỤ LỤC 1: NHỮNG NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN TÍN DỤNG VƯỢT QUA ĐẠI DỊCH COVID-19 DO QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ VÀ NHNN BAN HÀNH **34**

PHỤ LỤC 2: TÀI LIỆU THAM KHẢO **39**

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ACB	Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu
ADB	Ngân hàng Châu Á
BIDV	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển
CEPEW	Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ
COVID - 19	Bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng vi rút Corona mới
SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
JICA	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản
GTFG	Chương trình Tài trợ Thương mại Toàn cầu
CDP	Tổng sản phẩm trong nước
IFC	Tổ chức Tài chính quốc tế
Luật Hỗ trợ DNNVV	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
SHB	Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VPBank	Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Vietinbank	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới
WSME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được thực hiện trong bối cảnh đại dịch COVID-19 không chỉ gây khó khăn cho doanh nghiệp mà còn gây khó khăn cho các cơ quan, tổ chức và người dân. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn được thực hiện với sự đóng góp to lớn của nhiều bên liên quan.

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) ở Hà Nội và tại Cần Thơ, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp triển khai nghiên cứu này.

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hội sở Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng Á Châu cũng như các chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nam Á, Ngân hàng Việt - Nga và Ngân hàng Kiên Long đã cung cấp thông tin bằng văn bản và trao đổi trực tiếp cùng các nghiên cứu viên tại địa bàn nghiên cứu.

Đặc biệt, chúng tôi cảm ơn đại diện 35 doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ (WSME) ở Hà Nội, Cần Thơ, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh đã chia sẻ thông tin cho các thành viên Nhóm nghiên cứu. Báo cáo nghiên cứu này sẽ không thể phát triển được nếu thiếu những thông tin quý báu do các WSME chia sẻ.

Để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu, không thể thiếu ý kiến đóng góp của ông Phạm Xuân Hoà - Nguyên Phó viện trưởng Viện Chiến lược Ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn những ý kiến quý báu của ông.

PHẦN I: TỔNG QUAN CHUNG

1.1 Lý do thực hiện nghiên cứu

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) đóng một vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. SME chiếm trên 98% tổng số các doanh nghiệp và đóng góp tới 40% vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tạo 50% việc làm cho toàn xã hội[1]. Tính đến 31/12/2020, có 242.326 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong tổng số 811.538 doanh nghiệp đang hoạt động trên toàn quốc. Trong số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm đa số (90,7%) và chỉ có 2,2% là doanh nghiệp lớn[2]. Để tăng cường vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế, Chính phủ đã ban hành chỉ tiêu nhằm bảo đảm tỷ lệ nữ giám đốc hay chủ các doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030[3].

Tuy nhiên, các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thường gặp nhiều khó khăn hơn các doanh nghiệp do nam giới làm chủ. Theo đó, các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chỉ nhận được 5% tổng các khoản vay dành cho các SME. Dưới tác động của đại dịch COVID-19, 87% nữ chủ doanh nghiệp đối mặt với tác động tiêu cực và các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có nguy cơ đóng cửa cao hơn 7% so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ[4].

Kể cả khi chưa có đại dịch COVID-19, phụ nữ làm chủ các SME gặp khó khăn và thách thức trong việc tiếp cận các nguồn tín dụng, tiếp cận thông tin và gánh nặng công việc gia đình.

[1] Nguồn: Chương trình nghiên cứu của Thụy Sĩ về các vấn đề phát triển toàn cầu, việc làm và chất lượng việc làm tại Việt Nam: Vai trò của các doanh nghiệp nhỏ, chính thức hoá và giáo dục, Nghiên cứu R4D tháng 8/2015

[2] Nguồn: VCCI, AustralianAid, Aus4Reform (2021), Báo cáo môi trường kinh doanh Việt Nam - Góc nhìn của các doanh nghiệp do nữ làm chủ

[3] Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ)

[4] Nguồn: Doanh nghiệp có phụ nữ làm chủ nhận được nhiều ưu đãi khi vay vốn tại TPBank <http://cand.com.vn/doanh-nghiep/Doanh-nghiep-co-phu-nu-lam-chu-nhan-duoc-nhieu-uu-dai-khi-vay-von-tai-TPBank-638909/>

Nhu cầu tiếp cận các nguồn vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ (WSME) là rất cao (66%), tuy nhiên, chỉ có 20,5% WSME tiếp cận được các khoản vay[5],[6],[7].

Kể từ khi đại dịch COVID-19 xảy ra tại Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết và hướng dẫn để các bên liên quan thực hiện các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua đại dịch. Các gói chính sách về tiền tệ, tài khóa, lao động, bảo trợ xã hội và hỗ trợ doanh nghiệp đã được thông qua. Ngoài ra, một số tổ chức tài chính quốc tế cũng triển khai các gói hỗ trợ cho WSMEs bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 thông qua các ngân hàng thương mại (NHTM) của Việt Nam.

Để tìm hiểu những chính sách và thực hành chính sách có nhạy cảm giới trong hỗ trợ các SME tiếp cận tín dụng, đặc biệt để ứng phó với tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW) thực hiện nghiên cứu “Thực tiễn triển khai các chính sách tín dụng đặc thù

trong ứng phó với đại dịch COVID-19 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ từ Tổ chức Tài chính quốc tế, Ngân hàng Châu Á và một số ngân hàng thương mại tại Việt Nam”.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

- Rà soát khung chính sách và thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng cho các WSME nói chung và các chính sách ứng phó với đại dịch COVID-19;
- Tìm hiểu thực trạng và thách thức trong tiếp cận tín dụng của WSME từ Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), Ngân hàng Châu Á (ADB) và một số ngân hàng thương mại;
- Đề xuất chính sách nhằm thúc đẩy WSMEs tiếp cận tín dụng để ứng phó với tác động tiêu cực bởi đại dịch COVID-19.

[5] Nguồn : IFC, Umbrella Facility for Gender Equality, World Bank Group, Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Nhận thức và tiềm năng, 2017

[6] Nguồn: VWEC, TAF, MBI, Report on needs assessment of women-owned small and medium-size enterprises in Viet Nam, 2018

[7] Nguồn: HAWASME, MBI, Research report: women-owned small and medium-size enterprises in Viet Nam: Actual situation and recommendations, 2016

1.3 Câu hỏi nghiên cứu

- Các chính sách liên quan tới tiếp cận tín dụng dành cho SME có nhạy cảm giới như thế nào?
- Những yếu tố nào ảnh hưởng tới WSME tiếp cận tín dụng trong bối cảnh đại dịch COVID-19?
- Những khuyến nghị cho các định chế tài chính và các nhà hoạch định chính sách thúc đẩy WSMEs tiếp cận tín dụng để vượt qua khủng hoảng của đại dịch COVID-19?

1.4 Thời gian thực hiện và địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện từ tháng 3 năm 2021 đến tháng 6 năm 2022. Theo thiết kế ban đầu, tỉnh các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ và Hồ Chí Minh là nơi có nhiều DNNVV được lựa chọn tham gia nghiên cứu dựa trên những tiêu chí sau:

- Hà Nội nằm trong tam giác phát triển kinh tế ở khu vực miền Bắc gồm Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh đóng vai trò là cực tăng trưởng, thu hút các địa phương khác trong khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc. Ngoài các khu công nghiệp và dịch vụ, Hà Nội là một thành phố phát triển du lịch của Việt Nam.

- Hải Phòng là thành phố cảng quan trọng, trung tâm công nghiệp, cảng biển, đồng thời cũng là trung tâm kinh tế, thương mại và công nghệ, dịch vụ, du lịch của Việt Nam và khu vực ven biển phía Bắc. Hải Phòng còn nằm trong khu vực hợp tác phát triển hai hành lang và một vành đai kinh tế Việt Nam - Trung Quốc gồm hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng; và vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ. Do đó, Hải Phòng là trung tâm giao thông quan trọng của miền Bắc và toàn quốc.
- Đà Nẵng là trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, là nơi tập hợp các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực như công nghiệp, tài chính, du lịch, dịch vụ, văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ và là trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế.
- Cần Thơ là trung tâm kinh tế của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế Cần Thơ tăng dần ở khu vực công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp và thủy sản.

- Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò đi đầu trong nền kinh tế Việt Nam. Nền kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh đa dạng về lĩnh vực, từ công nghệ cao, khai thác mỏ, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp, chế biến, xây dựng đến du lịch, tài chính.

Do kế hoạch nghiên cứu thực địa tại Hải Phòng được sắp xếp vào lúc các tỉnh, thành phố trên cả nước thực hiện nghiêm ngặt quy định về giãn cách xã hội do đại dịch COVID-19 nên Nhóm nghiên cứu không thực hiện được các cuộc phỏng vấn sâu với các doanh nghiệp và chi nhánh ngân hàng tại địa phương này. Do vậy, địa bàn nghiên cứu đã được giới hạn tại Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Phương pháp nghiên cứu và cỡ mẫu

1.5.1 Rà soát tài liệu

Nhóm nghiên cứu đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và các quy định liên quan đến các gói hỗ trợ tín dụng cho SME ứng phó với đại dịch COVID-19 có nhạy cảm giới do các cơ quan nhà nước ở cấp trung ương hành. Nhóm nghiên cứu cũng rà soát chính sách của Ngân hàng Thế giới (WB), IFC, ADB và một số NHTM tại Việt Nam đối với công tác bình đẳng giới và hỗ trợ khách hàng là các WSME.

Trong đó, tập trung vào nghiên cứu các quy định và việc thực thi các quy định liên quan tới tiếp cận tín dụng dành cho WSME. Kết quả rà soát tài liệu đã được sử dụng để làm cơ sở thiết kế bộ công cụ phỏng vấn sâu các bên liên quan.

1.5.2 Nghiên cứu định tính

Nhóm nghiên cứu đã gửi công văn tới NHNN và hội sở của 05 NHTM có tiếp nhận hỗ trợ tài chính từ IFC và ADB đề nghị bố trí các buổi trao đổi trực tiếp với các thành viên Nhóm nghiên cứu. Bao gồm, Ngân hàng Á Châu (ACB), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank) và Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank). Đây là những NHTM được tiếp nhận hỗ trợ tài chính từ IFC và ADB để hỗ trợ tín dụng cho các WSMEs. Trong đó:

- NHNN phản hồi nhóm nghiên cứu qua công văn số 499/TD5 với thông tin chi tiết về chính sách có nhạy cảm giới đối với hỗ trợ các WSME trong ứng phó với đại dịch COVID 19.

- Ngân hàng ACB và VPBank đã thu xếp hai cuộc trao đổi với Nhóm nghiên cứu tại Hội sở ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội để chia sẻ thông tin về các gói hỗ trợ vốn vay cho các SME và tiến trình thực hiện.
- 03 ngân hàng thương mại còn lại (BIDV, SHB và TPBank) không phản hồi công văn của CEPEW.
- Cán bộ phụ trách của ADB cũng không thu xếp cuộc trao đổi với Nhóm nghiên cứu vì lý do dự án hỗ trợ các WSME thông qua 5 NHTM vừa mới triển khai nên chưa có các kết quả để chia sẻ. Trong khi đó, Nhóm nghiên cứu cũng chưa thể thu xếp được một cuộc trao đổi với đại diện IFC phụ trách gói hỗ trợ tín dụng cho WSMEs trước khi hoàn thiện báo cáo này mặc dù đã có liên lạc qua đường thư điện tử.

Nhóm nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn sâu (PVS) với đại diện của 27 WSME tại 4 tỉnh, thành phố. Tiêu chí để chọn các WSMEs tham gia vào nghiên cứu dựa vào phân loại của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật HTDNNVV) trên các lĩnh vực sau: 1) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; 2) Công nghiệp và xây dựng; 3) Thương mại và dịch vụ. Bên cạnh đó, Nhóm nghiên cứu đã gặp gỡ đại diện Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hội đồng doanh nhân nữ, Câu lạc bộ Doanh nhân nữ và đại diện chi nhánh các NHTM tại 4 thành phố. Để hoàn thiện nghiên cứu này, Nhóm nghiên cứu cũng đã tham vấn 10 WSMEs tại Hà Nội.

TT	Đối tượng phỏng vấn và tham vấn	Số lượng
1	WSME được phỏng vấn	27
2	NHNN (phản hồi qua văn bản)	1
3	Ngân hàng thương mại	8
4	VCCI và Chi nhánh VCCI tại các tỉnh	4
5	Hội đồng doanh nhân nữ và Câu lạc bộ doanh nhân nữ tại các tỉnh	4
6	WSME, chuyên gia và VCCI được tham vấn	11
Tổng		55

Bảng 1: Cỡ mẫu nghiên cứu

1.6 Phân tích số liệu và viết báo cáo

Phỏng vấn sâu với các bên liên quan đã được ghi âm (đối với những người đồng ý để Nhóm nghiên cứu ghi âm cuộc phỏng vấn) và gõ băng bằng định dạng văn bản. Với một số cuộc phỏng vấn không được cho phép ghi âm, Nhóm nghiên cứu đã ghi chép lại nội dung các cuộc trao đổi. Các thông tin này đã được mã hóa theo các biến nghiên cứu. Kết quả rà soát tài liệu và các dữ liệu định tính được đưa vào các ma trận để phân tích và phục vụ cho công tác dự thảo và hoàn thiện báo cáo.

1.7 Hạn chế của nghiên cứu

WSME rất bận để điều hành doanh nghiệp trong thời điểm dịch bệnh nên Nhóm nghiên cứu khó thu xếp các cuộc phỏng vấn. Một số phỏng vấn đã được thu xếp nhưng bị hủy do các nữ chủ doanh nghiệp có công việc đột xuất hoặc từ chối do không thoải mái với các cuộc phỏng vấn tương tự. Trong khi đó, một số chi nhánh NHTM tại địa bàn nghiên cứu từ chối tham gia phỏng vấn bởi họ cho rằng chưa được phép của Hội sở chính. Do đó, số mẫu phỏng vấn không đạt được theo thiết kế ban đầu.

Nghiên cứu này chỉ tập trung phân tích các VBQPPL và các quy định do các cơ quan nhà nước cấp trung ương ban hành mà không đi sâu phân tích các VBQPPL do chính quyền địa phương ban hành. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ tìm hiểu một số NHTM mà không phải toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng ở Việt Nam. Do đó, các phát hiện của nghiên cứu này được xem như là gợi ý để thực hiện các nghiên cứu ở quy mô lớn hơn cũng như gợi ý để một số tổ chức tín dụng quan tâm hơn đến việc triển khai các gói tín dụng dành cho WSMEs.

PHẦN II: MỘT SỐ PHÁT HIỆN CHÍNH

2.1 Thực hành tốt về bảo đảm tiếp cận tín dụng cho WSME tại Philippines và Hoa Kỳ

2.1.1 Philippines

Philippines là quốc gia xếp thứ hai trên toàn thế giới về "khả năng phụ nữ vươn lên vị trí lãnh đạo doanh nghiệp" và là quốc gia có tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cao nhất với 69%. Mặc dù còn nhiều thách thức, nhưng các doanh nhân nữ của Philippines đã và đang thành công nhờ khung pháp lý hỗ trợ cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ[8]. Báo cáo Khoảng cách giới toàn cầu năm 2014 tại Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp Philippines đứng thứ 9 trong số 142 quốc gia và là quốc gia duy nhất trong khu vực Đông Nam Á nằm trong nhóm 10 quốc gia có chỉ số tổng thể về khoảng cách giữa phụ nữ và nam giới trên bốn lĩnh vực chính, gồm y tế, giáo dục, kinh tế và chính trị [9].

Kế hoạch phát triển doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMED) giai đoạn 2011 - 2016 ghi nhận rõ ràng sự đóng góp vào tiềm năng tăng trưởng kinh tế của phụ nữ với tư cách là chủ doanh nghiệp. Lồng ghép giới được xem là ưu tiên xuyên suốt trong các chương trình về môi trường kinh doanh, tiếp cận tài chính, tiếp cận thị trường, năng suất và hiệu quả của các WSME[10].

Philippines đã có một số quy định pháp luật hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, bao gồm các điều của Bộ luật Dân sự và Bộ luật Lao động, Đạo luật Cung cấp hỗ trợ cho phụ nữ (Republic Act 7882) cũng như Đạo luật Phụ nữ trong phát triển và xây dựng quốc gia. Quyền bình đẳng của phụ nữ cũng được quy định trong Luật về quyền con người của phụ nữ (Magna Carta of Women - Republic Act No. 9710) [11],[12]. Cả Luật về quyền con người của

[8] <https://www.whitecase.com/insight-our-thinking/philippines-closing-credit-gap-women-entrepreneurs>

[9] https://www3.weforum.org/docs/GGGR14/GGGR_CompleteReport_2014.pdf, page 20

[10] Strengthening Women's Entrepreneurship in ASEAN- Towards increasing women's participation in economic activity, https://www.oecd.org/southeast-asia/regional-programme/Strengthening_Womens_Entrepreneurship_ASEAN.pdf, page 100

[11] Magna Carta of Women là luật quyền con người của phụ nữ nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ bằng cách công nhận, bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy quyền của phụ nữ Philippines, đặc biệt là phụ nữ ở khu vực yếu thế. (Xem thêm tại Questions and Answers - MAGNA CARTA OF WOMEN - Republic Act No. 9710)

[12] Xem: <https://www.whitecase.com/insight-our-thinking/philippines-closing-credit-gap-women-entrepreneurs>

phụ nữ và Luật về phân bổ vốn (General Appropriations Act) đều tuyên bố rằng, các cơ quan chính phủ phải phân bổ 5% ngân sách hàng năm của họ cho vấn đề giới và các chương trình giới và phát triển (GAD). Đối với các bộ chuyên ngành kinh tế, điều này có nghĩa là thiết kế các hoạt động để đảm bảo sự tham gia của phụ nữ vào các chương trình và các hoạt động của họ[13]. Luật về quyền con người của phụ nữ cũng quy định các tổ chức tài chính công và các tổ chức tài chính vi mô xây dựng và thực hiện các chính sách, kế hoạch và chương trình để phụ nữ tiếp cận vốn và tín dụng dễ dàng và ưu đãi cho các doanh nghiệp kinh doanh[14].

Đến năm 2017, Philippines ban hành Đạo luật Hỗ trợ cho phụ nữ tham gia vào các doanh nghiệp nhỏ và tiểu thủ công nghiệp và cho các mục đích khác. The quy định của Đạo luật này, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có thể được hỗ trợ khoản vay lên đến 50.000 Peso (các doanh nghiệp này phải hoạt động ít nhất 01 năm với lượng hàng hóa tồn kho hàng ngày không quá 25.000 Peso hoặc giá trị sổ sách của thiết bị kinh doanh không quá 50.000 Peso).

Khoản vay lên đến 25.000 Peso cho các nữ doanh nhân tiềm năng bắt đầu kinh doanh phi bán lẻ và phải có giấy chứng

nhận của Cơ quan Giáo dục kỹ thuật và phát triển kỹ năng (TESDA) hoặc của các cơ sở đào tạo được Chính phủ Philippines công nhận. Ngoài ra, Đạo luật này còn quy định nghĩa vụ của các tổ chức tài chính công ưu tiên hỗ trợ tài chính lên đến 2 triệu Peso cho các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Bên cạnh đó, Chính phủ Philippines còn ban hành 02 đạo luật khác có đề cập đến hỗ trợ phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ. Luật về các doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ (The Magna Carta for Micro, Small and Medium Enterprises R.A 9501) quy định về việc các cơ quan chính phủ phải gửi báo cáo định kỳ về mức độ đáp ứng giới của các chính sách và chương trình liên quan đến các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa cho Hội đồng phát triển doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (Điều 8, khoản 14)[15]. Và Đạo luật Go Negosyo thể hiện sự hỗ trợ tinh thần kinh doanh của phụ nữ bằng cách “khuyến khích phụ nữ khởi nghiệp thông qua việc tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ với các cơ sở thông tin, hỗ trợ, đào tạo và tín dụng” và bổ sung đại diện từ Ủy ban Phụ nữ Philippines vào Hội đồng phát triển doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa

[8] <https://www.whitecase.com/insight-our-thinking/philippines-closing-credit-gap-women-entrepreneurs>

[9] https://www3.weforum.org/docs/GGGR14/GGGR_CompleteReport_2014.pdf, page 20

[10] Strengthening Women's Entrepreneurship in ASEAN- Towards increasing women's participation in economic activity, https://www.oecd.org/southeast-asia/regional-programme/Strengthening_Womens_Entrepreneurship_ASEAN.pdf, page 100

[11] Magna Carta of Women là luật quyền con người của phụ nữ nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ bằng cách công nhận, bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy quyền của phụ nữ Philippines, đặc biệt là phụ nữ ở khu vực yếu thế- (Xem thêm tại Questions and Answers - MAGNA CARTA OF WOMEN - Republic Act No. 9710)

[12] Xem: <https://www.whitecase.com/insight-our-thinking/philippines-closing-credit-gap-women-entrepreneurs>

Đạo luật Go Negosyo cũng quy định chức năng của Hội đồng là thực hiện các nghiên cứu về tinh thần khởi nghiệp của phụ nữ, từ đó đưa ra định hướng chính sách để tạo cơ hội cho phụ nữ kinh doanh[16].

Ở Philippines, số lượng các cơ quan hỗ trợ các hoạt động của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng nhiều hơn các quốc gia trong khu vực. Bao gồm, Ủy ban Phụ nữ Philippines (PCW), Bộ Thương mại và công nghiệp (DTI); Bộ Nông nghiệp và công nghiệp dựa vào nông nghiệp (DA); Bộ Lao động và Việc làm (DOLE); Bộ Phúc lợi xã hội và phát triển (DSWD); Bộ Khoa học & công nghệ (DOST), Cơ quan Phát triển kỹ năng và giáo dục kỹ thuật (TESDA), Viện Công nghiệp quy mô nhỏ thuộc Đại học Philippines[17].

2.1.2 Hoa Kỳ

Năm 1974, Hoa Kỳ ban hành Đạo luật Cơ hội tín dụng bình đẳng (Equal Credit Opportunity Act-ECOA) thể hiện những nỗ lực đầu tiên của Chính phủ Hoa Kỳ nhằm hỗ trợ các nữ doanh nhân tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp của mình. Đạo luật này nghiêm cấm những đơn vị và cá nhân cho vay tín dụng (ngân hàng, hiệp hội tín dụng, người cho vay trực tuyến, bách hóa, cửa hàng bán lẻ và công ty tài

chính) thực hiện hành vi phân biệt đối xử với người đi vay dựa trên chủng tộc, màu da, tôn giáo, nguồn gốc quốc gia, **giới tính**, tình trạng hôn nhân, tuổi tác[18]. Sau đó, một cuộc vận động do các nữ chủ doanh nghiệp thực hiện đã góp phần thành lập Văn phòng Sở hữu doanh nghiệp của phụ nữ (Office of Women's Business Ownership - OWBO) trực thuộc Cơ quan Quản lý doanh nghiệp nhỏ (Small Business Administration - SBA) vào năm 1979. OWBO có nhiệm vụ tăng cường số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ cho Chính phủ Hoa Kỳ.

Năm 1988, Đạo luật Sở hữu doanh nghiệp của phụ nữ (Women's Business Ownership Act-WBOA) được ban hành, được coi là dấu mốc của sự thay đổi về mặt chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Hoa Kỳ[19]. Thông qua đạo luật này, Đạo luật Cơ hội tín dụng bình đẳng được củng cố, bởi nó đã đưa ra điều khoản yêu cầu tất cả các bang phải ban hành luật cấm việc yêu cầu chữ ký của người chồng hoặc họ hàng là nam giới trong các trường hợp phụ nữ muốn vay tiền từ ngân hàng. Thực hiện WBOA, Hội đồng Doanh nghiệp nữ quốc gia (NWBC) được thành lập[20] và được

[16] Strengthening Women's Entrepreneurship in ASEAN- Towards increasing women's participation in economic activity, https://www.oecd.org/southeast-asia/regional-programme/Strengthening_Womens_Entrepreneurship_ASEAN.pdf, page 100

[17] Women's Entrepreneurship: Lessons and Good Practice, page 14

[18] Xem: <https://www.bankrate.com/loans/what-is-equal-credit-opportunity-act/>

[19] Ruminska, E., & ECE, U. (2004). Access to financing and ICT for women entrepreneurs in the UNECE region: challenges and good practices. Truy cập tại:

https://unece.org/DAM/Gender/publications_and_papers/UNECE_2004_Access%20to%20financing%20and%20ICT.pdf, trang 12

[20] Xem: <https://uscode.house.gov/view.xhtml?req=granuleid:USC-prelim-title15-section7105&num=0&edition=prelim>

đánh giá là có giá trị rất lớn, vì nó tạo cơ hội cho việc tư vấn và vận động chính sách liên quan đến doanh nghiệp nữ tới chính phủ liên bang. NWBC phối hợp với chính quyền và các bên liên quan khắp quốc gia đưa ra các khuyến nghị chính sách tới Chính phủ, Quốc hội và SBA của Hoa Kỳ[21].

Bên cạnh đó, WBOA cũng quy định trách nhiệm của OWBO trong thực hiện các chương trình để thúc đẩy doanh nghiệp và doanh nhân nữ. OWBO sau đó thiết lập các trung tâm doanh nghiệp của phụ nữ (Women's Business Centers - WBCs) trên khắp cả nước để cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Các trung tâm này hoạt động với tư cách là các tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động độc lập khỏi sự quản lý của các cơ quan liên bang nhưng vẫn chịu sự giám sát và nhận tài trợ một phần từ Chính phủ Hoa Kỳ[22].

Từ những thay đổi vào năm 1988, đã có nhiều nỗ lực trong việc gia tăng số lượng và mở rộng các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, được chia thành sáu cách tiếp cận chính về chương trình và chính sách.

Bao gồm, vận động về các vấn đề của doanh nghiệp nữ, kết nối mạng lưới, hỗ trợ quản lý kinh doanh, tiếp cận các gói thầu, phát triển và hướng dẫn về kỹ năng lãnh đạo, và tiếp cận vốn[23]. Liên quan đến tiếp cận gói thầu, vào năm 1994, Chính phủ liên bang đã đưa ra mục tiêu trao ít nhất 5% tổng giá trị của các gói thầu liên bang cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, trong đó tập trung vào các ngành thiếu sự đại diện của phụ nữ như nông nghiệp, khai thác khoáng sản và năng lượng[24].

Đối với việc tiếp cận vốn, các chương trình và chính sách tập trung vào việc hiểu và đánh giá các nguồn tài trợ khác nhau, cách kêu gọi vốn, cũng như các gói tài trợ dành riêng cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Chương trình Phụ nữ tiếp cận vốn (Women Accessing Capital) là một chương trình quốc gia cung cấp các khóa học về kỹ năng và đưa ra các công cụ cần thiết cho các nữ chủ doanh nghiệp tìm kiếm nguồn vốn, gọi vốn và quản lý doanh nghiệp[25]. SBA cung cấp nhiều chương trình vay vốn để giúp phụ nữ tiếp cận nguồn vốn vay và tín dụng cần thiết, bao

[21] Ahl, H., & Nelson, T. (2015). How policy positions women entrepreneurs: A comparative analysis of state discourse in Sweden and the United States. *Journal of Business Venturing*, 30(2), 273-291. Truy cập tại:

<https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0883902614000755>, trang 6

[22] Ahl, H., & Nelson, T. (2015). How policy positions women entrepreneurs: A comparative analysis of state discourse in Sweden and the United States. *Journal of Business Venturing*, 30(2), 273-291. Truy cập tại:

<https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0883902614000755>, trang 7

[23] Center for Women in Business. *Women-Owned Businesses: Carving a New American Business Landscape*. Truy cập tại:

<https://www.uschamberfoundation.org/sites/default/files/legacy/cwb/ccfwib.pdf>, trang 23

[24] Small Business Administration. *Women-Owned Small Business Federal Contracting Program*. Truy cập tại:

<https://www.sba.gov/federal-contracting/contracting-assistance-programs/women-owned-small-business-federal-contracting-program#:~:text=To%20be%20eligible%20for%20the,also%20make%20long%2Dterm%20decisions>

[25] Center for Women in Business. *Women-Owned Businesses: Carving a New American Business Landscape*. Truy cập tại:

<https://www.uschamberfoundation.org/sites/default/files/legacy/cwb/ccfwib.pdf>, trang 23

gồm Chương trình Sơ tuyển khoản vay (Loan Prequalification Program), trong đó hỗ trợ các nữ chủ doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ vay vốn và cung cấp chứng chỉ để tăng khả năng được chấp thuận vốn vay[26].

Ngoài ra, các chương trình liên quan đến lĩnh vực tài chính cũng được thực hiện bởi các tổ chức ngoài nhà nước. Ngân hàng Wells Fargo có quỹ lên tới 10 tỷ đô la Mỹ (USD) dành cho nữ chủ doanh nghiệp[27]. Liên minh OneKC for Women ở Kansas cung cấp tiếp cận đối với mạng lưới các nhà đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp do phụ nữ lãnh đạo[28]. LiftFund (trước đây là Accion Texas) cung cấp các khoản vay lên tới 250.000 USD và hợp tác với SBA để cung cấp các khoản vay lên tới 5.5 triệu USD cho các doanh nghiệp nhỏ, bao gồm các doanh nghiệp do phụ nữ và những người thiểu số làm chủ[29]. Quỹ Đầu tư mạo hiểm của phụ nữ (Women's Venture Capital) tập trung đầu tư mở rộng các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và giúp nữ doanh nhân tăng cường sự đa dạng giới trong doanh nghiệp của mình[30].

2.2 Chính sách đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ của một số tổ chức tài chính quốc tế

- Bình đẳng giới là mục tiêu trọng tâm của Ngân hàng thế giới (WB) nhằm chấm dứt đói nghèo và thúc đẩy sự thịnh vượng trên toàn cầu. Chiến lược “Bình đẳng giới, giảm nghèo và phát triển hoà nhập” giai đoạn 2016-2023 của WB đã chỉ ra những thách thức của DN do phụ nữ làm chủ và đưa ra các giải pháp nhằm hỗ trợ cho các DN do phụ nữ làm chủ, bao gồm các giải pháp về đảm bảo tiếp cận vốn và tài chính những doanh nghiệp này[31].
- Bình đẳng giới là một trong những ưu tiên hàng đầu và là một chủ đề xuyên suốt trong cam kết hỗ trợ vốn của IFC. IFC đã có cách tiếp cận toàn diện để giảm bất bình đẳng giới bằng việc hỗ trợ các cơ hội và cải thiện điều kiện làm việc cho lao động nữ, giúp đỡ mở rộng tiếp cận dịch vụ cho phụ nữ, đầu tư công nghệ sáng tạo để tăng cơ hội cho khách hàng nữ cũng như hỗ trợ kỹ năng kinh doanh và đào tạo kỹ năng lãnh đạo cho doanh nghiệp nữ. Bằng

[26] Weeks, J. R. *Women Entrepreneurs in SMEs in the United States*. Truy cập tại: https://www.apec.org/docs/default-source/Publications/1999/12/Women-Entrepreneurs-in-Small-and-Medium-Enterprises-SMEs-in-the-APEC-Region-1999/99_sme_women.pdf, trang 282

[27] Weeks, J. R. *Women Entrepreneurs in SMEs in the United States*. Truy cập tại: https://www.apec.org/docs/default-source/Publications/1999/12/Women-Entrepreneurs-in-Small-and-Medium-Enterprises-SMEs-in-the-APEC-Region-1999/99_sme_women.pdf, trang 282

[28] Center for Women in Business. *Women-Owned Businesses: Carving a New American Business Landscape*. Truy cập tại: <https://www.uschamberfoundation.org/sites/default/files/legacy/cwb/ccfwib.pdf>

[29] <https://www.liftfund.com/about/>

[30] Center for Women in Business. *Women-Owned Businesses: Carving a New American Business Landscape*. Truy cập tại: <https://www.uschamberfoundation.org/sites/default/files/legacy/cwb/ccfwib.pdf>

[31] Nguồn: Ngân hàng thế giới, Chiến lược giới giai đoạn 2016-2023

việc cải thiện này, giới được lồng ghép trong các dự án của IFC và thể hiện rõ hơn những cam kết nhằm cải thiện bình đẳng giới toàn cầu[32].

- Thúc đẩy bình đẳng giới là một trong những ưu tiên của ADB được thể hiện thông qua “Chiến lược 2030: Hướng tới một Châu Á và Thái Bình Dương thịnh vượng, đồng đều, thích ứng và bền vững”. Theo đó, ADB sẽ thực hiện các giải pháp nhằm tăng quy mô hỗ trợ cho bình đẳng giới; nâng cao năng lực kinh tế cho phụ nữ; bảo đảm bình đẳng giới trong phát triển nguồn nhân lực, ra quyết định và lãnh đạo; giảm tình trạng nghèo thời gian của phụ nữ; tăng cường khả năng thích ứng của phụ nữ trước các cú sốc. Hỗ trợ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là một trong những hoạt động trọng tâm. ADB cam kết lồng ghép giới vào 75% các hoạt động được thiết kế vào năm 2030[33].
- Để giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19 tới các DNNVV do phụ nữ làm chủ, ADB đã ký kết với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) thực hiện gói viện trợ không hoàn lại trị giá 5 triệu USD vào năm 2020. NHNN đã giao cho 5 NHTM của Việt Nam, gồm

BIDV, TPBank, ACB, VPBank và SHB giải ngân gói hỗ trợ này.

2.3 Pháp luật và chính sách của Việt Nam đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ

Trước khi đại dịch COVID-19 xảy ra, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành một số VBQPPL nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế. Trong đó, có đề cập tới việc hỗ trợ cho các DNNVV do phụ nữ làm chủ từ khâu thành lập doanh nghiệp cũng như tiếp cận thông tin, kiến thức và nguồn vốn. Tuy nhiên, các quy định này chưa đề ra các giải pháp đồng bộ để hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ tiếp cận tín dụng một cách bình đẳng. Cụ thể:

- Điều 12 Luật Bình đẳng giới năm 2006[34] quy định “Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập DN, tiến hành hoạt động sản xuất, bình đẳng trong tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động”. Về biện pháp, Luật này chỉ quy định ưu đãi về thuế và tài chính cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ [theo quy định của pháp luật] mà không đề ra giải pháp ưu đãi thuế và tài chính đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

[32] Xem: https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/aab64b44-0a36-4f1b-a9bb-d453db583fda/Gender+Equity+in+POWER_FIN+for+WEB.pdf?MOD=AJPERES&CVID=nqbYnsY

[33] Xem: <https://www.adb.org/vi/documents/strategy-2030-prosperous-inclusive-resilient-sustainable-asia-pacific>

[34] Luật số 72/2006/QH11 do Quốc hội khoá XI thông qua ngày 29/6/2006

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật HTDNNVV) năm 2017)[35] đã đưa ra định nghĩa chính thức về DNNVV do phụ nữ làm chủ[36] và quy định nguyên tắc “Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn”[37]. Nguyên tắc này được xem là một biện pháp đặc biệt tạm thời đề ra trong Công ước Chống phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)[38] và biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được quy định trong Luật Bình đẳng giới năm 2006. Nguyên tắc này tiếp tục được nhắc lại trong Nghị định 80/2021/NĐ-CP[39]. Theo Nhóm nghiên cứu, quy định này được đánh giá là mang tính chuẩn mực nhằm hướng đến bình đẳng giới thực chất trong lĩnh vực kinh tế mà không gián tiếp phân biệt đối xử đối với DNNVV do nam giới làm chủ.
- Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia[40] xác định phụ nữ chưa được tiếp cận hoặc ít tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ tài chính là một trong

những đối tượng mục tiêu của Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, NHNN được Thủ tướng Chính phủ giao nghiên cứu đề xuất các chính sách khuyến khích các tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô phát triển đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cho người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ.

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020[41] đề ra chỉ tiêu “Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020”. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030[42] đã đặt ra chỉ tiêu “Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030” nhưng chưa đề cập tới hỗ trợ tiếp cận tín dụng dành cho các DN này. Quy định này là một định hướng tốt giúp cho Chính phủ và ngành ngân hàng đề ra các giải pháp và chỉ tiêu cụ thể bảo đảm phụ nữ có thể thành lập và duy trì các DNNVV của mình. Tuy nhiên, Nghị định 80/2021/NĐ-CP đề ra các chỉ tiêu giới trong hỗ trợ tư vấn, phát triển nguồn nhân lực đối với các

[35] Luật số 04/2017/QH14 do Quốc hội khoá XIV thông qua ngày 12/6/2017

[36] Khoản 1 Điều 3 Luật HTDNNVV năm 2017 giải thích “Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó”

[37] Khoản 5 Điều 5 Luật HTDNNVV năm 2017

[38] Việt Nam ký Công ước CEDAW vào ngày 29/7/1980 và phê chuẩn vào ngày 17/2/1982

[39] Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

[40] Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia được phê duyệt kèm theo Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

[41] Ban hành kèm theo quyết định số 2351/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020

[42] Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030

DNNVV do phụ nữ làm chủ nhưng không đề ra chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ DNNVV do phụ nữ làm chủ hỗ trợ lãi suất 2% từ NHNN khi vay vốn trung và dài hạn thông qua các tổ chức tín dụng đối với các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Các quy định về quỹ bảo lãnh tín dụng[43], quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF)[44] cũng chưa đề cập tới việc hỗ trợ cho DNNVV do phụ nữ làm chủ thông qua các quỹ này.

Từ những thông tin trên cho thấy, Việt Nam đã ban hành một số quy định pháp luật liên quan đến quyền bình đẳng trong kinh doanh của phụ nữ, nguyên tắc hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ cũng như đã đề ra chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Tuy nhiên, Việt Nam chưa ban hành các quy định cụ thể tạo cơ hội để các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tiếp cận các gói mua sắm công hoặc khuyến khích các tổ chức tín dụng dành các gói vay ưu đãi cho DNNVV do phụ nữ

làm chủ như trường hợp Philippines và Hoa Kỳ. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho chỉ tiêu liên quan đến tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 không đạt được dẫn đến việc hạ thấp chỉ tiêu này trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

Tuy đã có một số luật pháp, chính sách quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, nhưng những VBQPPL do Quốc hội, Chính phủ và NHNN ban hành liên quan đến việc đáp ứng vốn sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp để vượt qua tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 là trung tính về giới. Những văn bản này được ban hành trong giai đoạn đại dịch diễn biến phức tạp và/hoặc ban hành nhằm trực tiếp hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn do đại dịch COVID-19. Trong đó, Quốc hội đã ban hành 03 nghị quyết[45],[46],[47] và Chính phủ ban hành 08 chỉ thị, nghị quyết và nghị định[48],[49],[50],[51],[52],[53],[54],[55]. Trên cơ sở các chỉ thị, nghị quyết và nghị

[43] Được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

[44] Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF) là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận và trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH và ĐT) được tổ chức và hoạt động theo Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 về tổ chức và hoạt động của SMEDF

[45] Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11/11/2020 của Quốc hội Khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

[46] Nghị quyết số 32/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

[47] Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về Chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

[48] Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19

[49] Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

[50] Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021

[51] Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022

[52] Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 9/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19

[53] Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

[54] Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022

[55] Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

định này, NHNN đã ban hành 06 chỉ thị, nghị quyết và thông tư cụ thể hoá các mục tiêu và giải pháp[56],[57],[58],[59],[60],[61] do Quốc hội và Chính phủ đề ra (Xem Phụ lục 1 để biết thêm về những nội dung liên quan đến chính sách tiền tệ hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 do Quốc hội, Chính phủ và NHNN ban hành).

Song song với chủ trương, chính sách và hướng dẫn hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho các DN, bao gồm các DNNVV vượt qua ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19, các NHTM cũng đã và đang áp dụng Quyết định số 420/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 của NHNN[62] (lần lượt được thay thế bởi Quyết định số 920/QĐ-NHNN ngày 12/5/2020[63] và Quyết định số 1730/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020[64] của NHNN (là ba trong

số các quyết định hiện thực hoá Thông tư số 39/2016/TT - NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN)[65]. Theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ thông qua các tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài lần lượt giảm từ giảm từ 5,5%/năm lần lượt xuống còn 5%/năm và còn 4,5%/năm; và lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ thông qua quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô giảm từ 6,5%/năm lần lượt xuống còn 6%/năm và còn 5%/năm đối với 05 nhóm ngành gồm nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đây là mức lãi suất thấp và có ý nghĩa hỗ trợ rất lớn, tạo điều kiện doanh nghiệp duy trì, ổn định và tăng trưởng, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

[56] Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19

[57] Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 7/1/2021 của NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2021. Chỉ thị này đề cập đến việc tiếp tục tháo gỡ khó khăn về tín dụng cho người dân, doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

[58] Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 2/4/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN để tiếp tục điều hành các tổ chức tín dụng, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19

[59] Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của NHNN sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, sửa đổi các mốc giới hạn thời gian khoản nợ được tái cơ cấu lại, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ

[60] Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 13/1/2022 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng năm 2022

[61] Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của NHNN Hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP với 5 bước cụ thể cho tới khi hết 40.000 tỷ đồng vốn vay được hỗ trợ lãi suất 2%/năm

[62] Quyết định số 420/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016

[63] Quyết định số 920/QĐ-NHNN ngày 12/5/2020 của NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016

[64] Quyết định số 1730/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 của NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016

[65] Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Những điều chỉnh về mặt chủ trương và chính sách tiền tệ như kể trên đã giúp cho mặt bằng lãi suất cho vay giảm khoảng 1%/năm trong năm 2020 và lãi suất này vẫn tiếp tục giảm tính đến cuối tháng 9/2021 với mức giảm khoảng 0,55%/năm (tổng cộng giảm 1,55%/năm so với trước dịch COVID-19). Đồng thời, NHNN cũng áp dụng linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ khác nhằm đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo thanh khoản cho hệ thống các tổ chức tín dụng và ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối[66]. Đến ngày 31/08/2021, các tổ chức tín dụng đã miễn, giảm, hạ lãi suất cho trên 1,13 triệu khách hàng với dư nợ trên 1,58 triệu tỷ đồng. Các tổ chức tín dụng cũng cho vay mới lãi suất thấp hơn so với trước đại dịch COVID-19 với doanh số lũy kế từ 23/01/2020 đạt 4,46 triệu tỷ đồng cho 628.662 khách hàng. Lũy kế từ 23/1/2020 đến 31/08/2021, tổng số tiền lãi tổ chức tín dụng miễn, giảm, hạ cho khách hàng khoảng 26.000 tỷ đồng[67]. Tuy nhiên, Nhóm nghiên cứu không tìm thấy số liệu có tách biệt giới thể hiện tỷ lệ khách hàng là phụ nữ và nam giới cũng như tỷ lệ khách hàng là DN do nam giới và do phụ nữ làm chủ.

Đại diện NHNN cũng cho biết, trên cơ sở thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ, 16 ngân hàng (chiếm 75% tổng dư nợ nền kinh tế) gồm Vietinbank, Vietcombank, Agribank, Techcombank, Sacombank, BIDV, MB, Bưu điện Liên Việt, TPBank, VIB, ACB, SeABank, SHB, HDBank, MSB, VPBank đã thống nhất nguyên tắc tiếp tục giảm lãi suất cho vay 1% trên dư nợ hiện hữu bằng đồng Việt Nam trong những tháng cuối năm 2021, đối với khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, với tổng số tiền lãi giảm hơn 20.600 tỷ đồng[68].

[66] Đào Minh Thắng, 2021, Chính sách tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 tại <https://tapchingham.gov.vn/chinh-sach-tin-dung-ho-tro-doanh-nghiep-bi-anh-huong-boi-dich-covid-19.htm>

[67] Nguồn: <https://alphastock.vn/marketdaily/market-call-podcast-sang-ngay-21092021-281.html>

[68] Nguồn: VGP News .: | Ngân hàng tích cực triển khai tín dụng ưu đãi, hỗ trợ DN bị ảnh hưởng bởi COVID-19 | BÁO ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM (baochinhphu.vn)

2.4 Chính sách tiếp cận tín dụng của ngành ngân hàng dành cho DNNVV do phụ nữ làm chủ

Thông tin do NHNN cung cấp cho thấy, cơ quan này đã ban hành và thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành ngân hàng giai đoạn 2016 - 2020[69] thành công. Cụ thể, tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy đảng, tỷ cán bộ chủ chốt là nữ và tỷ lệ nữ được cử đào tạo sau đại học tăng so với trước đây[70]. NHNN cho biết, các quy định hiện hành về hoạt động tín dụng ngân hàng, nữ giới có quyền bình đẳng như nam giới trong việc vay vốn ngân hàng, cầm cố tài sản, và tham gia các hình thức tài chính tín dụng khác. NHNN khẳng định, các chính sách này không có sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới làm ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận vốn của nữ giới. Tuy nhiên, các VBQPPL do NHNN ban hành liên quan đến tiếp cận tín dụng cho các doanh nghiệp đều trung tính về giới hoặc không đề ra các biện pháp nào để bảo đảm rằng các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ sẽ

được hỗ trợ theo đúng nguyên tắc được đề ra trong Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật HTDNNVV năm 2017.

Nhằm tăng cường hỗ trợ phụ nữ trong tiếp cận tín dụng từ các NHTM và với sự hỗ trợ của một số định chế tài chính quốc tế, một số NHTM đã triển khai các chương trình hỗ trợ cho DNNVV do phụ nữ làm chủ. Kết quả rà soát trang thông tin điện tử của các ngân hàng và trao đổi trực tiếp với một số NHTM (ACB, VPBank) về các chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng dành cho DNNVV do phụ nữ làm chủ cho thấy:

- **VPBank** có chương trình hỗ trợ mở thẻ tín dụng do doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (thẻ WE) với hạn mức lên tới 4 tỷ đồng, miễn lãi lên đến 55 ngày, mọi chi tiêu qua thẻ đều được tính là hợp lệ để khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp[71]. VPBank cũng có chương trình cấp tín dụng với hạn mức lên tới 20 tỷ đồng cho doanh nghiệp có chủ là phụ nữ với một số điều kiện vay vốn cụ thể [72],[73].

[69]Xem: Kế hoạch hành động về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Ngân hàng giai đoạn 2016 - 2020 đăng tải tại:

[https://sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/trangchu/ttsk/ttsk_chitiet?](https://sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/trangchu/ttsk/ttsk_chitiet?leftWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBVWEBAPP01SBV081788&rightWidth=0%25¢erWidth=100%25&_afLoop=24536033622105224#%40%3F_afLoop%3D24536033622105224%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3DSBVWEBAPP01SBV081788%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D83atnx1rb_9)

[leftWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBVWEBAPP01SBV081788&rightWidth=0%25¢erWidth=100%25&_afLoop=24536033622105224#%40%3F_afLoop%3D24536033622105224%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3DSBVWEBAPP01SBV081788%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D83atnx1rb_9](https://sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/trangchu/ttsk/ttsk_chitiet?leftWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBVWEBAPP01SBV081788&rightWidth=0%25¢erWidth=100%25&_afLoop=24536033622105224#%40%3F_afLoop%3D24536033622105224%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3DSBVWEBAPP01SBV081788%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D83atnx1rb_9)

[70] Xem: Nữ Thống đốc ngân hàng đầu tiên của Việt Nam và những dấu ấn vì sự tiến bộ của phụ nữ (vnubw.org.vn)

[71]Xem: <https://www.vpbank.com.vn/doanh-nghiep-vua-va-nho/doanh-nghiep-do-nu-lam-chu/the-tin-dung-cho-doanh-nghiep-nu-lam-chu>

[72]Xem: <https://sbv.gov.vn/webcenter/contentattachfile/idcplg?dDocName=SBV354643&filename=351174.xlsx>

[73] VPbank đã đề ra một số điều kiện để được tiếp cận tín dụng từ chương trình này, bao gồm doanh nghiệp đã thành lập và hoạt động tối thiểu 6 tháng; tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh ổn định; có tài sản bảo đảm và hành vi trả nợ tại các tổ chức tín dụng tốt; đáp ứng về cấp tín dụng của pháp luật và VPbank. Ngoài ra, doanh nghiệp siêu nhỏ hoạt động trong lĩnh vực thương mại hàng công nghiệp nhẹ và tiêu dùng được phép tăng tỷ lệ cho vay trên giá trị định giá tài sản bảo đảm.

Năm 2021, VPBank tiếp tục ghi dấu ấn với vai trò đồng hành cùng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tăng cường khả năng tiếp cận tài chính công bằng, nhanh chóng thích ứng, duy trì và phục hồi sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Năm 2021, doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo chiếm 22,7% tổng danh mục DNNVV của ngân hàng, cao hơn 4,5% so với năm 2020. Tổng dư nợ cuối kỳ của khách hàng DNNVV do phụ nữ lãnh đạo đạt 10,171 nghìn tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng trên 27% do với cùng kỳ năm trước. Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo giải ngân lần đầu tại VPBank cũng đồng thời tăng thêm 5,5% so với năm 2020.[74] VPBank đã xây dựng Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp[75] dành cho cán bộ, đối tác. Tuy nhiên, Bộ quy tắc này không đề cập tới các nguyên tắc không phân biệt đối xử đối với khách hàng.

- **BIDV** xác định mục tiêu phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện được khi các mục tiêu kinh tế được bảo đảm. Nhờ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch

kinh doanh qua các năm, BIDV đã thực hiện tốt trách nhiệm đối với xã hội, trong đó có trao quyền cho phụ nữ làm chủ. BIDV xác định DNNVV do phụ nữ làm chủ là phân khúc khách hàng riêng biệt, cần sự hỗ trợ đặc biệt trong giai đoạn hiện tại. Trên cơ sở đó, BIDV đã nghiên cứu, đẩy mạnh phát triển tài chính toàn diện và triển khai nhiều chương trình giải pháp hỗ trợ dành riêng cho DNNVV do phụ nữ làm chủ. Theo đó, BIDV đã ký kết với ADB và NHNN hiệp định dự án hỗ trợ giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 cho các DNNVV do phụ nữ làm chủ để hỗ trợ lãi vay đối với các khoản vay cơ cấu tại BIDV hoặc hỗ trợ phí cam kết rút vốn đối với các khoản vay mới tại BIDV với mức tối đa 10.000 USD/khách hàng. Ngoài ra, khách hàng vay vốn lần đầu tại BIDV còn được hỗ trợ giảm lãi suất vay tối đa 2%/năm và sử dụng các gói sản phẩm dịch vụ - với mức phí ưu đãi. BIDV cũng có các gói phi tài chính khác hỗ trợ cho các DNNVV do phụ nữ làm chủ thông qua Hội đồng doanh nhân nữ[76],[77].

[74] VPBank (2022), Báo cáo thường niên năm 2021. Đăng tải tại: <https://www.vpbank.com.vn/-/media/a4e6f447921b4655a5fef3239eba4737.ashx>

[75] Xem: <https://www.vpbank.com.vn/ve-chung-toi/kiem-soat-tuan-thu/vpbanks-code-of-conduct-and-ethical-behaviors>

[76] BIDV (2022), Báo cáo thường niên năm 2021. Đăng tải tại <https://www.bidv.com.vn/wps/wcm/connect/fe7d25e-66c6-4b14-be43-0f3b36cdfa7/BCTN+BIDV+2021+FINAL.pdf?MOD=AJPERES&CACHEID=ROOTWORKSPACE-fe7d25e-66c6-4b14-be43-0f3b36cdfa7-o4Z0ZbE>

[77] Xem: <https://www.bidv.com.vn/bidv/doanh-nghiep/khach-hang-doanh-nghiep/khuyen-mai/tin-dung/chuong-trinh-tai-chinh-toan-dien-danh-cho-doanh-nghiep-do-phu-nu-lam-chu>

- **SHB** được Tạp chí The Asian Banking and Finance (ABF) trao giải thưởng “Ngân hàng có sáng kiến vì phụ nữ 2021” qua những nỗ lực tạo điều kiện cho các DNNVV do phụ nữ làm chủ tiếp cận vốn vay ngân hàng với nhiều ưu đãi đặc biệt nhằm giảm thiểu tác động của COVID-19. Cụ thể, SHB là 1 trong 5 ngân hàng tham gia “Chương trình cho vay ưu đãi dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ lãnh đạo” được ký kết giữa NHNN và ADB, đồng hành cùng các nữ doanh nhân vượt qua khó khăn do đại dịch với gói hỗ trợ 5 triệu USD do ADB tài trợ. Theo đó, SHB đã nhanh chóng, kịp thời giúp các doanh nghiệp nữ chủ tiếp cận nguồn vốn giá rẻ; ưu đãi lãi suất ấn tượng chỉ từ 5,85%; hỗ trợ 6 tháng tiền lãi và miễn phí cơ cấu nợ; miễn các loại phí dịch vụ ngân hàng; tổ chức các lớp đào tạo, các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia hàng đầu[78],[79].
- **SeABank** xác định phụ nữ là những khách hàng cần được quan tâm phục vụ đặc biệt và đã thiết kế các gói tài chính với sản phẩm, dịch vụ dành

riêng cho khách hàng nữ. SeABank có chính sách ưu đãi dành riêng cho doanh nghiệp có phụ nữ làm chủ với mong muốn tạo động lực phát triển tối đa cho doanh nghiệp với lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam ngắn hạn tối thiểu 5,6%/năm, miễn phí trả nợ trước hạn; lãi suất cho vay trung hạn, dài hạn tối thiểu 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên, miễn phí trả nợ trước hạn sau 36 tháng; lãi suất thấu chi có tài sản đảm bảo tối thiểu 8%/năm, không có tài sản đảm bảo tối thiểu 10%/năm. Mặt khác, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ còn được tiếp cận nguồn tín dụng dưới nhiều hình thức cấp vốn phù hợp với đặc thù ngành nghề[80]. Tháng 6/2021 ngân hàng SeABank chính thức được IFC cấp khoản vay cao cấp trị giá 150 triệu USD nhằm hỗ trợ mở rộng vốn vay đối với các DNNVV, đặc biệt các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Chỉ sau 6 tháng hợp tác và ghi nhận những hiệu quả triển khai từ SeABank, IFC và 5 quỹ tài chính quốc tế đã quyết định tài trợ bổ sung 70 triệu USD[81].

[78] SHB (2022), Báo cáo thường niên năm 2021. Đăng tải tại: https://www.shb.com.vn/wp-content/uploads/2022/04/BCTN-2021_VN_Web-2.pdf

[79] Xem: <https://nhadautu.vn/shb-duoc-vinh-danh-3-giai-thuong-quoc-te-uy-tin-voi-nhung-sang-kien-vi-cong-dong-d56062.html>

[80] Xem: <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/day-manh-tai-tro-von-cho-doanh-nghiep-do-phu-nu-lam-chu-690310>

[81] SeABank, Báo cáo thường niên năm 2021 đăng tải tại https://cdn.seabank.com.vn/sites/default/files/2022-04/BAO%20CAO%20THUONG%20NIEN%202021%20FINAL_0.pdf

- **TPBank** và **ACB** là hai trong năm NHTM được NHNN giao giải ngân gói viện trợ không hoàn lại do ADB quản lý để hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ khắc phục hậu quả của đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, trang thông tin điện tử và báo cáo thường niên năm 2021 của hai ngân hàng này không thể hiện thông tin liên quan đến việc triển khai gói viện trợ này. Trao đổi với ACB tại hội sở chính (vào tháng 4/2021), đại diện ngân hàng cũng khẳng định ACB chưa phát triển các gói tín dụng dành cho DNNVV do phụ nữ làm chủ mà chỉ tổ chức tri ân khách hàng nữ nhân dịp 8/3 hay 20/10. Tuy nhiên, trong quá trình trao đổi với các thành viên Nhóm nghiên cứu, đại diện ACB khẳng định, cũng có thể cho DNNVV do phụ nữ làm chủ vay với lãi suất ưu đãi hơn nếu đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn.

Kết quả phân tích tài liệu và phỏng vấn các nữ chủ doanh nghiệp cho thấy, không nhiều NHTM có chính sách có đáp ứng giới đối với khách hàng, bao gồm khách hàng doanh nghiệp. Những NHTM đang thực hiện các dự án cho vay ưu đãi hay mở thẻ tín dụng ưu đãi cho khách hàng nữ hoặc nữ chủ doanh nghiệp đều là các ngân hàng đang tham gia các dự án do các tổ

chức tài chính quốc tế như IFC, ADB hay tổ chức phi chính phủ quốc tế như CARE International hỗ trợ và thực hiện. Điều này đặt ra một câu hỏi, liệu các ngân hàng đã và đang thực hiện các gói vay hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ có tiếp tục thực hiện chính sách này khi các dự án viện trợ không hoàn lại này kết thúc.

Bên cạnh đó, các ngân hàng thương mại chưa có quy định yêu cầu hay khuyến khích khách hàng doanh nghiệp thực hiện những cam kết về bình đẳng giới, cũng như chưa yêu cầu doanh nghiệp có chính sách không phân biệt đối xử dựa trên cơ sở giới hay nghiêm cấm hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Ít NHTM có chính sách công khai về cam kết không phân biệt đối xử dựa trên cơ sở giới ngoài NHNN giai đoạn 2016 - 2021[82]. Theo nghiên cứu mới đây của Tổ chức Tài chính công bằng Việt Nam, 10/10 ngân hàng được khảo sát đều chưa có quy định công khai yêu cầu hay khuyến khích khách hàng doanh nghiệp thực hiện những cam kết về bình đẳng giới. Điểm cam kết về giới của 10 NHTM này chỉ đạt 0,5/10. Cam kết về tài chính toàn diện (Financial Inclusion) là điểm đáng ghi nhận nhất trong các cam kết của các NHTM, với mức điểm trung bình của cả 10 ngân hàng đạt 5/10.

[82] Fair Finance Asia (2021), Khuyến nghị chính sách hướng tới tài chính bền vững. Đăng tải tại <https://vietnam.fairfinanceasia.org/2021/04/19/khuyen-nghi-chinh-sach-huong-toi-tai-chinh-ben-vung/>

2.5 Thực trạng tiếp cận tín dụng từ NHTM của DNNVV do phụ nữ làm chủ trong đại dịch COVID-19

Nghiên cứu do VCCI công bố năm 2021[83] cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam dù có một số cải thiện trong giai đoạn 2011 - 2018 nhưng lại giảm trong các năm 2019 và 2020. Tính đến ngày 31/12/2021, tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đạt 23,4% nhưng chưa đạt được mục tiêu đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Quy mô doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tập trung ở mức nhỏ, siêu nhỏ và với quy mô trung bình thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ. Điều đáng chú ý, năm 2019 là năm chưa bị tác động bởi đại dịch COVID-19 nhưng kết quả kinh doanh giảm sút chứng tỏ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp nhiều khó khăn, trong đó có tác động không nhỏ của môi trường kinh doanh. Trong mối tương quan với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng thấp hơn trong hai năm 2019 - 2020. Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có lãi thấp hơn và tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thua lỗ cao hơn so với doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

Điều này cho thấy, bước vào năm 2021, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ càng gặp nhiều khó khăn hơn. Cho đến hết năm 2020, có tới 34,1% DNNVV do phụ nữ làm chủ đang gặp khó khăn trong tiếp cận tín dụng. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và doanh nghiệp siêu nhỏ khó tiếp cận vốn tay tín dụng nhất[84]. Tại thực địa, cả 27/27 DNNVV do phụ nữ làm chủ mà Nhóm nghiên cứu có cơ hội trao đổi đều khẳng định có nhu cầu vay vốn để duy trì sản xuất, kinh doanh và trả lương nhân viên.

Về uy tín của DNNVV do phụ nữ làm chủ đối với NHTM, cả 8/8 đại diện các ngân hàng ACB, BIDV, VPBank, Nam Á Bank, Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB), Ngân hàng Đông Á (Đông A Bank), Ngân hàng Kiên Long (KienLong Bank) cho thấy, các ngân hàng đều tin tưởng các DNNVV do phụ nữ làm chủ khi thực hiện các gói tín dụng. Họ cho rằng, phụ nữ thường lo lắng cho món vay của mình nên thường trả gốc và lãi đúng hạn. Bản thân các nữ chủ doanh nghiệp được phỏng vấn cũng khẳng định bản thân mình rất lo lắng khi thế chấp tài sản để vay vốn từ các NHTM. Do đó, luôn cố gắng để giữ uy tín bằng cách chấp hành các quy định về trả gốc và lãi.

[83] VCCI (2021) Báo cáo môi trường kinh doanh tại Việt Nam: Góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

[84] VCCI (2021) Báo cáo môi trường kinh doanh tại Việt Nam: Góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Về uy tín của DNNVV do phụ nữ làm chủ đối với NHTM, cả 8/8 đại diện các ngân hàng ACB, BIDV, VPBank, Nam Á Bank, Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB), Ngân hàng Đông Á (Đông A Bank), Ngân hàng Kiên Long (KienLong Bank) cho thấy, các ngân hàng đều tin tưởng các DNNVV do phụ nữ làm chủ khi thực hiện các gói tín dụng. Họ cho rằng, phụ nữ thường lo lắng cho món vay của mình nên thường trả gốc và lãi đúng hạn. Bản thân các nữ chủ doanh nghiệp được phỏng vấn cũng khẳng định bản thân mình rất lo lắng khi thế chấp tài sản để vay vốn từ các NHTM. Do đó, luôn cố gắng để giữ uy tín bằng cách chấp hành các quy định về trả gốc và lãi.

Tuy nhiên, thực tiễn cấp tín dụng thông qua các NHTM không đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các DNNVV do phụ nữ làm chủ để duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Cho tới tháng 4/2021, chỉ 01 trong số 27 DN này có làm thủ tục và được vay vốn từ Vietcombank trong giai đoạn đại dịch Covid 19 diễn ra. Doanh nghiệp này khẳng định đây là gói vay thường xuyên đối với ngân hàng này do doanh nghiệp có uy tín và được vay tín chấp mà không thuộc gói vay hỗ trợ theo chủ trương của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN. Về lý do được vay tín chấp, nữ chủ DNNVV này cho biết, bà đã từng giữ vị trí lãnh đạo tại một doanh nghiệp nhà nước và tạo uy tín nhất định trong

cộng đồng doanh nghiệp cũng như các ngân hàng. Trong khi đó, một nữ chủ DNNVV khác cung cấp dịch vụ vệ sinh cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cho biết, chị đã phải vay tín dụng “đen” với lãi suất rất cao để trả lương cho nhân viên trong giai đoạn Chính phủ thực hiện nghiêm ngặt giãn cách xã hội. Cho đến tháng 6/2022, một trong số này khẳng định không thể tiếp cận vốn vay từ NHTM mặc dù họ đang có sổ tiết kiệm tiền gửi tại ngân hàng. Để hoàn thiện báo cáo nghiên cứu này, Nhóm nghiên cứu đã khảo sát 11 DNNVV do phụ nữ làm chủ và tất cả đều khẳng định rằng rất khó và chưa từng được tiếp cận với gói vay ưu đãi theo Thông tư 39/TT-NHNN trong thời gian đại dịch COVID-19 diễn ra.

Chủ trương và hướng dẫn cung cấp tín dụng cho các DN khắc phục khó khăn trong đại dịch COVID-19 và do đại dịch COVID-19 do Quốc hội, Chính phủ và NHNN ban hành là trung tính về giới nên các DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận các gói tín dụng này. Dưới đây là một số khó khăn cụ thể:

- Mặc dù một số NHTM có chương trình hỗ trợ tiếp cận tín dụng đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ như kể trên, tuy nhiên một đại diện chi nhánh và một cán bộ tín dụng của hai trong số những ngân hàng được phỏng vấn tại thực địa cho biết, cán bộ tín dụng không nắm được các chính sách về hỗ

trợ phụ nữ hay nữ chủ doanh nghiệp do hội sở thực hiện nên ứng xử như nhau giữa DNNVV do nam giới hay phụ nữ làm chủ. Trong khi đó, cả 27 đại diện DNNVV do phụ nữ làm chủ được phỏng vấn tại thực địa cho rằng, khi vay tiền từ các NHTM, họ chỉ quan tâm về điều kiện vay, thủ tục vay, lãi suất và thời hạn vay mà ít tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa của chương trình tín dụng.

- Một trong những DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Cần Thơ được phỏng vấn chia sẻ rằng, gói hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ do ADB tài trợ và 5 NHTM (ACB, SHB, BIDV, VPBank and TP Bank) được NHNN uỷ quyền giải ngân đã được triển khai tại Cần Thơ vào tháng 9/2021. Theo đó, các DNNVV do phụ nữ làm chủ đủ điều kiện tiếp cận gói tín dụng này sẽ được hỗ trợ 2,5%/năm giảm trừ vào lãi suất hiện hành. Ví dụ, SHB áp dụng lãi suất 9%/năm thì DN sẽ được hỗ trợ 2,5% sau khi DN trả vốn và lãi đầy đủ khi tất toán khoản vay. Tuy nhiên, nữ doanh nhân này cho rằng, mức lãi suất này chưa mang tính hỗ trợ vì tương đương với lãi suất do các NHTM có cổ phần nhà nước như Vietinbank, BIDV, VCB, NHNNPTNT áp dụng cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, số DNNVV do phụ nữ làm chủ tiếp cận được vốn

vay từ bốn ngân hàng này không nhiều do điều kiện các ngân hàng đưa ra cho các DN cao hơn so với các ngân hàng khác. Theo đó, để có thể được vay, bên cạnh các điều kiện chung như các ngân hàng khác thì xếp hạng tín dụng của các DN cần ở mức A trở lên. Trong khi đó, DN nhỏ, siêu nhỏ có khả năng quản trị yếu, trong khi lãi suất chưa mang tính hỗ trợ nên việc duy trì và vực dậy DN trong thời gian này gặp nhiều khó khăn.

- Các NHTM áp dụng lãi suất cho vay với từng doanh nghiệp là khác nhau, phụ thuộc vào tài sản bảo đảm, tín nhiệm tín dụng đối với các gói vay đã có trước đây, mối quan hệ cũng như quá trình thương lượng, đàm phán của doanh nghiệp đối với cán bộ tín dụng của các ngân hàng này. Có 7 trong số 27 doanh nghiệp không đủ tài sản đảm bảo để thế chấp hoặc nếu có thì tính pháp lý của tài sản chưa rõ ràng và/hoặc giá trị đảm bảo thấp. Vì vậy, các DNNVV không đáp ứng được điều kiện cho vay của các tổ chức tín dụng. Thêm vào đó, cả 27/27 nữ chủ doanh nghiệp đều khẳng định việc xây dựng mối quan hệ với ngân hàng là một trong những điểm yếu của họ do ngại tham gia các hoạt động do VCCI, hiệp hội doanh nghiệp nữ, Hội Liên hiệp phụ nữ hay chính các NHTM tổ chức trong khi lại vướng bận công việc

chăm sóc gia đình. Phát hiện này cũng được ghi nhận tại nghiên cứu “Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách”[85].

- Cả 27/27 DNNVV đều phản ánh tình trạng thiếu thông tin về các gói chính sách của Chính phủ để hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với đại dịch COVID-19. Cụ thể, 12/27 doanh nghiệp không biết thông tin các gói tín dụng của Chính phủ hoặc nếu biết thì khá chung chung và không hiểu sâu về quy định/điều kiện của các chính sách này; 27/27 doanh nghiệp thiếu thông tin về Quỹ bảo lãnh tín dụng tại các địa phương, nơi có thể giúp các DNNVV do phụ nữ làm chủ vay vốn mà không cần tài sản đảm bảo/thế chấp. Cả 8/8 DN tham gia tham vấn ý kiến cho báo cáo cáo nghiên cứu này khẳng định không có thông tin về quỹ cho thuê tài chính. Trong khi đó VCCI ở cấp trung ương và cấp vùng cũng như hiệp hội doanh nghiệp đã chia sẻ thông tin này rộng rãi trên các trang thông tin điện tử và thư điện tử tới từng doanh nghiệp.

Ngoài ra, các DN do phụ nữ làm chủ ít có cơ hội tham gia xúc tiến thương mại hoặc xây dựng mạng lưới kinh doanh. Một phần, phụ nữ thường bận gánh nặng các

công việc gia đình và chăm sóc con cái trong khi những sự kiện này thường tổ chức vào ngoài giờ hành chính. Nhóm nghiên cứu đã ghi nhận những ý kiến này trong các PVS với đại diện các DN và đây cũng được nhìn nhận như một rào cản liên quan tới tiếp cận thông tin.

- Các điều kiện do NHTM đưa ra cho các DN tiếp cận các gói tín dụng bằng hình thức tín chấp không khác biệt, ngoại trừ điều kiện về tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, rất ít DN tiếp cận được các gói vay này trong đại dịch COVID-19 do các DN phải tăng trưởng dương trong những năm gần đây và hình thành các tài sản bảo đảm. Sau khi xây dựng niềm tin được với NHTM thì các DN này mới tiếp tục làm các thủ tục vay tín dụng bằng hình thức tín chấp. Tuy vay tín chấp nhưng các NHTM sẽ căn cứ vào điểm xếp hạng tín dụng để đưa ra mức lãi suất phù hợp với từng doanh nghiệp. Vay vốn với hình thức tín chấp thì lãi suất thường cao hơn so với lãi suất vay thế chấp, dao động từ 1.2 - 2%/tháng. Các chi nhánh NHTM được phỏng vấn cho rằng ngân hàng sẽ gặp rủi ro cao khi cho các DN vay tín dụng bằng hình thức tín chấp nên không triển khai các gói vay bằng hình thức này. Các DNNVV do phụ nữ làm chủ cho rằng hình thức vay vốn tín

[85] Xem: <https://www.economica.vn/Content/files/PUBL%20%26%20REP/Women-owned%20SME%20in%20Vietnam%20-%20Policy%20Recommendations.pdf>

chấp rất khó khả thi và tiếp cận được dù trong hoàn cảnh nào.

- Quy mô vốn của DNNVV do phụ nữ làm chủ thường nhỏ, kinh nghiệm và khả năng quản trị còn nhiều hạn chế. Do đó, báo cáo tài chính không đủ độ tin cậy hoặc các doanh nghiệp không thực hiện kiểm toán độc lập hàng năm nên chưa đáp ứng các điều kiện vay vốn của NHTM. Trong khi đó, việc xét duyệt hồ sơ vay vốn do NHTM thực hiện thường dựa vào các quy định của từng gói tín dụng của các ngân hàng này chứ không chú ý tới đặc thù của loại hình doanh nghiệp. Bản thân các NHTM cũng thiếu niềm tin vào khả năng quản trị tổ chức và quản trị tài chính của các DNNVV do phụ nữ làm chủ.
- Hầu hết (26/27) đại diện DNNVV do phụ nữ làm chủ được phỏng vấn đều tỏ ra thiếu tin tưởng các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV nói chung và các gói hỗ trợ tín dụng dành cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn do đại dịch COVID-19. Trong số đó, 15/27 người cho rằng các chính sách này không phù hợp với thực tiễn.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

3.1 Kết luận

DNNVV đóng một vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, DNNVV tại Việt Nam đóng góp quan trọng cho GDP. Đại dịch COVID-19 đã làm đứt gãy nền kinh tế, đẩy nhiều DN, đặc biệt các DNNVV do phụ nữ làm chủ đến chỗ giảm quy mô hoặc dừng hoạt động.

Trước khi có đại dịch COVID-19, Việt Nam có những quy định về nguyên tắc không phân biệt đối xử và bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế cũng như có các chỉ tiêu về tỷ lệ nữ chủ các chủ doanh nghiệp trên toàn quốc. Quốc hội, Chính phủ và NHNN đã ban hành một số chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực tiền tệ trong đại dịch COVID-19 và nhằm hỗ trợ DN vượt qua tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách đều trung tính về giới.

Để giúp phụ nữ làm chủ các DNNVV vượt qua đại dịch COVID-19, các định chế tài chính như IFC, ADB đã cung cấp một số gói viện trợ không hoàn lại nhằm hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp này thông qua các NHTM.

Về uy tín đối với ngân hàng, cả NHTM và nữ chủ DNNVV đều khẳng định phụ nữ rất lo lắng để thực hiện các quy định về thời hạn vay cũng như trả gốc và lãi các gói tín dụng. Tuy nhiên, các DNNVV do phụ nữ làm chủ vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận tín dụng nhằm duy trì và phát triển doanh nghiệp do tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19. Cụ thể:

- Mặc dù được hỗ trợ lãi suất thông qua gói viện trợ không hoàn lại của các định chế tài chính quốc tế nhưng DNNVV do phụ nữ làm chủ vẫn cho rằng lãi suất sau khi được hỗ trợ vẫn còn cao hơn lãi suất do bốn NHTM có cổ phần nhà nước áp dụng cho các doanh nghiệp.
- Hầu hết hội sở chính của các NHTM thực hiện các dự án do IFC, ADB và một số tổ chức tài chính quốc tế khác tài trợ đều ý thức rất tốt các gói hỗ trợ tín dụng cho các DNNVV do phụ nữ làm chủ cũng như truyền thông và phản ánh sự hỗ trợ này trong báo cáo thường niên của các ngân hàng. Tuy nhiên, các chi nhánh ngân hàng và cán bộ tín dụng không hiểu hết ý nghĩa, mục tiêu của các gói hỗ trợ này nên ứng xử như nhau giữa DNNVV do nam giới làm chủ và do phụ nữ làm chủ.
- DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp một số khó khăn nhất định trong tiếp cận tín dụng trong bối cảnh COVID-19 do thiếu thông tin, thiếu năng lực quản trị doanh nghiệp, thiếu tài sản thế chấp hoặc tài sản thế chấp chưa đầy đủ tính pháp lý. Gánh nặng công việc nội trợ cũng ảnh hưởng đến việc xây dựng và duy trì mối quan hệ với các ngân hàng của phụ nữ. Trong khi đó, tài sản bảo đảm, sức khỏe của doanh nghiệp, mối quan hệ và khả năng thương thảo lại là những yếu tố quyết định quy mô vốn được vay và lãi suất phải trả.

3.2 Khuyến nghị

Trên cơ sở các phát hiện chính, Nhóm nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị sau tới các bên liên quan:

01

Các NHTM thực hiện truyền thông nội bộ nhằm giúp cho các chi nhánh và cán bộ tín dụng hiểu rõ ý nghĩa và yêu cầu đối với các dự án do các tổ chức tài chính quốc tế viện trợ không hoàn lại và nguồn vốn của ngân hàng nhằm hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ vượt qua khó khăn do đại dịch COVID-19, góp phần thực hiện bình đẳng giới. Bên cạnh đó, các NHTM cần củng cố thông điệp truyền thông về ý nghĩa của việc hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ đối với uy tín của chính các ngân hàng;

02

Các NHTM tổ chức tập huấn về nguyên tắc không phân biệt đối xử trên cơ sở giới, bình đẳng giới thực chất và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực tín dụng để trên cơ sở đó thiết kế và thực hiện các gói tín dụng dành cho DNNVV do phụ nữ làm chủ, góp phần đạt được chỉ tiêu liên quan đến DNNVV do phụ nữ làm chủ đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 -2030;

03

Các NHTM tiếp tục tư vấn, hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp để đáp ứng các điều kiện vay vốn sản xuất, kinh doanh;

04

Các NHTM thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua việc hỗ trợ lãi suất cho DNNVV do phụ nữ làm chủ nếu đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn như DNNVV do nam giới làm chủ;

05

FFA triển khai nghiên cứu phân tích liệu các chính sách tiền tệ trung tính về giới được thiết kế do mặc nhiên cho rằng trung tính về giới là không phân biệt đối xử trên cơ sở giới, theo đó, doanh nghiệp do nam giới và doanh nghiệp do nữ giới làm chủ cần được đối xử như nhau hay các chính sách tiền tệ trung tính về giới là tốt cho các giới; trên cơ sở các phát hiện này, FFA và các tổ chức xã hội đưa ra quyết định liệu có cần vận động chính sách nhằm có các chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ nữ chủ doanh nghiệp và mức vốn nên hỗ trợ cho từng loại hình và quy mô DNNVV do phụ nữ làm chủ;

06

Về chính sách, Chính phủ xem xét có gói hỗ trợ lãi suất cho các DNNVV do phụ nữ làm chủ thông qua các NHTM để góp phần đạt được chỉ tiêu về tỷ lệ nữ chủ doanh nghiệp và hợp tác xã đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 trên cơ sở giám sát chặt chẽ để loại trừ tình huống nữ giới đứng tên đăng ký nhưng nam giới vận hành các DNNVV. Bên cạnh đó, Chính phủ xem xét ban hành chính sách thúc đẩy nhằm bảo đảm một tỷ lệ nhất định các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có thể thực hiện một số gói chi tiêu công từ ngân sách nhà nước.

PHỤ LỤC 1: NHỮNG NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TIẾP CẬN TÍN DỤNG VƯỢT QUA ĐẠI DỊCH COVID-19 DO QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ VÀ NHNN BAN HÀNH

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19 yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời các tổ chức tín dụng cân đối, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xét duyệt hồ sơ vay vốn, nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay của khách hàng; kịp thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, giảm phí... đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19 (trước hết là gói hỗ trợ tín dụng khoảng 250 nghìn tỷ đồng).
- Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19, tạo hành lang pháp lý, cơ chế đột phá để các tổ chức tín dụng tháo gỡ khó khăn về vốn vay cho khách hàng (cơ cấu lại nợ gốc và lãi, không chuyển nhóm nợ, không tính lãi phạt, miễn, giảm lãi, phí), đồng thời liên tục tổ chức các hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp trên toàn quốc, khảo sát thực địa, tiếp nhận và giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp.
- Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11/11/2020 của Quốc hội Khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đưa ra giải pháp, chính sách thích hợp để tăng khả năng tiếp cận vốn của người dân và doanh nghiệp, ngăn chặn tình trạng tín dụng đen và cho vay nặng lãi.
- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 đề ra giải pháp phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các chính sách tài khoá, tiền tệ và các chính sách khác để kích thích cầu tổng hợp, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng; đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Về giải pháp, Nghị quyết này đề cập đến việc chủ-

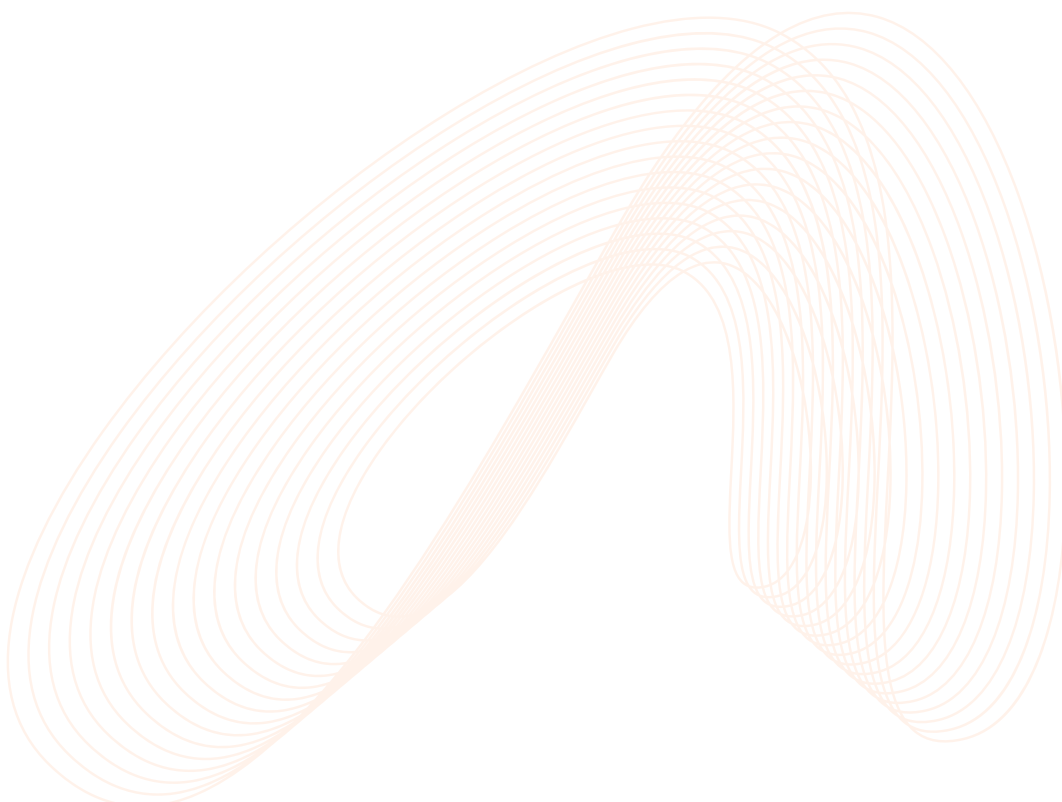
-động bố trí nguồn lực và triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời (trong đó có các giải pháp tín dụng, tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí...) để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, người lao động bị mất việc, thiếu việc làm, giảm sâu thu nhập do đại dịch Covid-19 và khôi phục sản xuất, kinh doanh, nhất là trong các ngành vụ, du lịch, hàng không...

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 có đề cập đến việc tiếp tục chú trọng hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19.
- Trên cơ sở các Nghị quyết số Nghị quyết số 124/2020/QH14, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2021 của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2021. Chỉ thị này đề cập đến việc tiếp tục tháo gỡ khó khăn về tín dụng cho người dân, doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.
- Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 đề cập đến vai trò của NHNN và một số bộ trong điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bảo đảm an toàn hệ thống; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách khác, phù hợp với tình hình thực tiễn, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng; kiểm soát chặt chẽ tín dụng các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tích cực triển khai các biện pháp giám sát, kiểm soát và xử lý nợ xấu.
- Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 2/4/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN để tiếp tục điều hành các tổ chức tín dụng, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.
- Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021, sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, sửa đổi các mốc giới hạn thời gian khoản nợ được tái cơ cấu lại, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ để phù hợp với diễn biến phức tạp của dịch bệnh đang diễn ra, như mở rộng phạm vi khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ phát sinh từ trước ngày 01/8/2021, kéo dài thời gian áp dụng đối với khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/1/2021 đến hết tháng 6/2021.

- Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 9/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 đưa ra mục tiêu đến hết năm 2021, lũy kế ít nhất khoảng 01 triệu khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hưởng chính sách tín dụng hỗ trợ ứng phó dịch bệnh. Trên cơ sở đó, Chính phủ giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện ba giải pháp, gồm i) Tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt chính sách tiền tệ, gắn kết chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng, góp phần thúc đẩy phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh; khuyến khích tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với các khoản vay hiện hữu và khoản vay mới nhằm hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; ii) Khẩn trương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi phí, giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo hướng mở rộng đối tượng, phạm vi, thời gian được áp dụng chính sách cho phù hợp với diễn biến thực tế của dịch bệnh, hoàn thành trong tháng 9 năm 2021. iii) Trong tháng 9 năm 2021, chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định các cơ chế về hỗ trợ tín dụng giúp các hãng hàng không giải quyết thanh khoản, đảm bảo nguồn lực để duy trì và phát triển.
- Nghị quyết số 32/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 đề cập đến việc điều hành các chính sách tài chính, tiền tệ linh hoạt, hiệu quả để hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa, kết nối cung cầu lao động, thúc đẩy xuất khẩu, tiêu dùng nội địa, đẩy mạnh đầu tư. Kịp thời đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng, phấn đấu tiếp tục giảm lãi suất cho vay, giám sát chặt chẽ và kiểm soát việc phát sinh nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng.
- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 đề cập đến việc triển khai kịp thời các giải pháp tài khóa, tiền tệ để hỗ trợ phục hồi, phát triển nhanh sản xuất kinh doanh, nhất là trong ngành, lĩnh vực quan trọng, khôi phục các chuỗi sản xuất, cung ứng, lao động, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân. Điều hành chủ động, linh hoạt, chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ, tài khóa và các chính sách khác. Ổn định thị trường tiền tệ. Điều hành các giải pháp tín dụng góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế; khuyến khích tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí để phấn đấu giảm lãi suất cho vay, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp, người dân; hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động: cho vay ngoại tệ, tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, huy động vốn của doanh nghiệp, nhất là phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 đề cập đến việc tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; giảm chi phí đầu vào, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và người dân. Đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19; kịp thời hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với dịch bệnh.
- Trên cơ sở các Nghị quyết số 32/2021/QH15, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 8/1/2022 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/1/2022, Ngân hàng Nhà nước ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 13/1/2022 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng năm 2022. Chỉ thị này đề cập đến việc thực hiện các giải pháp nhằm kiểm soát quy mô, tăng trưởng tín dụng hợp lý, hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh.
- Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội về Chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã đưa ra một số giải pháp nhằm bảo đảm chính sách tiền tệ. Quốc hội giao Chính phủ i) Nghiên cứu để giữ ổn định tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, tính toán hợp lý tỷ lệ dự trữ bắt buộc, thực hiện nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động để phấn đấu giảm lãi suất cho vay khoảng 0,5% - 1% trong 2 năm 2022 và 2023, nhất là đối với lĩnh vực ưu tiên; ii) Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, theo dõi sát diễn biến kinh tế, thị trường tiền tệ để có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, đồng thời bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng; iii) Điều tiết thanh khoản phù hợp, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất; iv) Điều tiết tiền tệ hợp lý, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành trái phiếu Chính phủ và để các tổ chức tín dụng tiếp tục đầu tư trái phiếu Chính phủ; v) Sử dụng tối đa 46 nghìn tỷ đồng từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để nhập khẩu vắc - xin, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong trường hợp cần thiết.

- Trên cơ sở Nghị quyết số 43/2022/QH15, ngày 20/5/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Theo đó, mức lãi suất hỗ trợ đối với khách hàng là 2%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay hỗ trợ lãi suất thực tế. Thời hạn được hỗ trợ lãi suất tính từ ngày giải ngân khoản vay đến thời điểm khách hàng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận giữa ngân hàng thương mại và khách hàng, phù hợp với nguồn kinh phí hỗ trợ lãi suất được thông báo, nhưng không vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2023. Đối tượng áp dụng chính sách này là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có mục đích sử dụng vốn vay thuộc một trong các ngành như hàng không, vận tải kho bãi, du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo, xuất bản phần mềm, lập trình máy vi tính và hoạt động liên quan, hoạt động dịch vụ thông tin; trong đó có hoạt động xây dựng phục vụ trực tiếp cho các ngành kinh tế nói trên nhưng không bao gồm hoạt động xây dựng cho mục đích kinh doanh bất động sản ngoại trừ các doanh nghiệp vay vốn để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo chung cư cũ thuộc danh mục dự án do Bộ Xây dựng tổng hợp, công bố.
- Trên cơ sở Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, ngày 20/5/2022 NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2022/TT-NHNN Hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP với 5 bước cụ thể cho tới khi hết 40.000 tỷ đồng vốn vay được hỗ trợ lãi suất 2%/năm.



PHỤ LỤC 2: TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ahl, H., & Nelson, T. (2015). How policy positions women entrepreneurs: A comparative analysis of state discourse in Sweden and the United States. *Journal of Business Venturing*, 30(2), 273-291, trang 6-7
2. BIDV (2022), Báo cáo thường niên năm 2021
3. Center for Women in Business. *Women-Owned Businesses: Carving a New American Business Landscape*
4. Cục phát triển doanh nghiệp (Bộ KH&ĐT) và UNESCAP (2020), Báo cáo đánh giá tác động của Covid - 19 đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (DNNVV) ở Việt Nam, đặc biệt là các DNNVV do nữ làm chủ
5. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ)
6. Đại học Kinh tế Quốc dân-JICA (2020), Đánh giá các chính sách ứng phó với COVID-19 và các khuyến nghị
7. Đào Minh Thắng, 2021, Chính sách tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19
8. Fair Finance Asia (2021), Khuyến nghị chính sách hướng tới tài chính bền vững.
9. HAWASME, MBI (2016), Research report: women-owned small and medium-size enterprises in Viet Nam: Actual situation and recommendations
10. IFC (2016), Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Nhận thức và Tiềm năng
11. IFC (2017), Umbrella Facility for Gender Equality, World Bank Group, Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Nhận thức và tiềm năng, 2017
12. Kế hoạch hành động về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Ngân hàng giai đoạn 2016 - 2020
13. Lê Quang Cảnh và Nguyễn Vũ Hùng (2016), DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách.
14. Mastercard (2021), Báo cáo Chỉ số Nữ doanh nhân Mastercard (MIWE)

15. MBI, TAF và VWEC (2018), Báo cáo đánh giá nhu cầu DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam, 2017
16. Ngân hàng thế giới, Chiến lược giới giai đoạn 2016-2023
17. Nghiên cứu R4D (2015), Chương trình nghiên cứu của Thụy Sĩ về các vấn đề phát triển toàn cầu, việc làm và chất lượng việc làm tại Việt Nam: Vai trò của các doanh nghiệp nhỏ, chính thức hoá và giáo dục
18. Ruminska, E., & ECE, U. (2004). Access to financing and ICT for women entrepreneurs in the UNECE region: challenges and good practices.
19. SeABank, Báo cáo thường niên năm 2021
20. SHB (2022), Báo cáo thường niên năm 2021
21. Small Business Administration. Women-Owned Small Business Federal Contracting Program.
22. Strengthening Women's Entrepreneurship in ASEAN- Towards increasing women's participation in economic activity, trang 94-100
23. Tài chính công bằng tại Việt Nam (2020), Tổng quan và Phân tích trường hợp mười ngân hàng thương mại Việt Nam
24. VCCI (2021), Báo cáo môi trường kinh doanh tại Việt Nam: Góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ
25. VCCI và WB (2021), Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam, một số phát hiện từ điều tra doanh nghiệp năm 2020
26. VCCI, AustralianAid, Aus4Reform (2021), Báo cáo môi trường kinh doanh Việt Nam - Góc nhìn của các doanh nghiệp do nữ làm chủ